

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T P
TỈNH B T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/DS-ST

Ngày: 10-7-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T P, TỈNH B T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiêm U

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Ngô Anh T

2/ Bà Nguyễn Thị Bích L

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Bích Hà V - Thư ký Tòa án huyện T P

Đại diện Viện kiểm sát huyện T P tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bích N –
Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T P xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 407/2023/TLST-DS ngày 20/12/2023 về
việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
42/2024/QĐXXST-DS, ngày 03/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:
50/2024/QĐDS-HPT ngày 21/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S G T T**

Địa chỉ trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V T S, Quận 3, TP.
Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng
giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn Trường A – Chức vụ:
Trưởng phòng giao dịch (Theo Văn bản ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày
26/12/2022).

Ông Phan Văn Trường A ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P – chức vụ: Phó
Trưởng phòng giao dịch (Theo Văn bản ủy quyền số 19/2024/QĐ-PL ngày
19/6/2024).

- Bị đơn: Ông **Trần Văn Q**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố H T 2, thị trấn P R C, huyện T P, tỉnh B T.

(Có mặt ông Nguyễn Văn P; Vắng mặt ông Trần Văn Q)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S G T T và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/07/2017, Ông Trần Văn Q có ký với Ngân hàng TMCP S G T T – Chi nhánh B T – PGD P R C hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng) đối với số thẻ 356480-6732 theo các nội dung như sau:

Hạn mức sử dụng thẻ: 20.000.000 đồng, mục đích: tiêu dùng, lãi suất: 2,77%/tháng. Ông Trần Văn Q đã nhận thẻ và sử dụng thẻ tín dụng để thanh toán, tiêu dùng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày 31/10/2023, Ông Trần Văn Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 48.300.000 đồng, số tiền lãi, phí phát sinh là 40.520.932 đồng. Ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 65.987.908 đồng (chi tiết theo sao kê đính kèm). Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S G T T. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 13.355.727 đồng và lãi và phí phát sinh là 8.235.506 đồng, tổng cộng ông Trần Văn Q chưa thanh toán cho ngân hàng là 21.591.233 đồng. Ông Q sử dụng thẻ từ tháng 7/2017 đến tháng 10/2023 và có thanh toán nhưng đến tháng 10/2023 thì ngưng thanh toán cho Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng Ông Trần Văn Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Ông Q và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 10/7/2024, ông Trần Văn Q có thanh toán thêm cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Tính đến ngày 10/7/2024, Ông Trần Văn Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 48.300.000 đồng, số tiền lãi, phí phát sinh là 46.121.386 đồng. Ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 69.187.908 đồng (chi tiết theo sao kê đính kèm). Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S G T T: Ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Phí trễ hạn là: 1.852.249 đồng, phí vượt hạn mức là 650.000 đồng, phí thường niên và phí thông báo giao dịch là 1.615.000 đồng, lãi là 42.004.137 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 13.355.727 đồng, lãi và phí phát sinh là 11.877.751 đồng. Vì vậy tổng số tiền gốc, lãi và các loại phí mà ông Trần Văn Q còn phải thanh toán cho ngân hàng tính đến ngày 10/7/2024 là: 25.233.478 đồng.

Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu Ông Trần Văn Q có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên, Ông Q vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP S G T T yêu cầu ông Trần Văn Q phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi và các loại phí phát sinh tạm tính đến ngày 10 tháng 7 năm 2024 tổng cộng số tiền: 25.233.478 đồng (Hai mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, bốn trăm bảy mươi tám đồng) và phải tiếp tục trả lãi được tính kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2024 và các loại phí hai bên đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05 tháng 7 năm 2017.

Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện T P, tỉnh B T đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn Ông Trần Văn Q nhưng Ông Trần Văn Q vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S G T T nên không có bản tự khai cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T P phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn: bị đơn ông Trần Văn Q đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng ông Q vắng mặt không có lý do tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn Q tiếp tục vắng mặt không có lý do nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn ông Q là đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 463 Bộ luật dân sự, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S G T T về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” buộc bị đơn ông Trần Văn Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S G T T toàn bộ nợ gốc, lãi và các

loại phí phát sinh tạm tính đến ngày 10 tháng 7 năm 2024, tổng cộng số tiền: 25.233.478 đồng (Hai mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, bốn trăm bảy mươi tám đồng) và phải tiếp tục trả lãi được tính kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2024 hai bên đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05 tháng 7 năm 2017.

Về án phí: Ông Trần Văn Q phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Trần Văn Q vay tiền của Ngân hàng TMCP S G T T có ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng, do đó có cơ sở xác định giữa ông Trần Văn Q và Ngân hàng TMCP S G T T có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do Ông Trần Văn Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên Ngân hàng TMCP S G T T khởi kiện.

Tòa án đã xác minh địa chỉ cư trú của ông Trần Văn Q theo Ngân hàng TMCP S G T T cung cấp, kết quả xác minh ông Trần Văn Q thực tế cư trú tại địa chỉ khu phố H T 2, thị trấn P R C, huyện T P, tỉnh B T. Do ông Trần Văn Q có nơi cư trú H T 2, thị trấn P R C, huyện T P, tỉnh B T nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T P, tỉnh B T.

Về người tham gia tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự triệu tập ông Trần Văn Q tới Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Q vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự cho ông Trần Văn Q, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn Q.

[2]. Xét cơ sở xác lập hợp đồng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, Ngân hàng có xuất trình toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến hợp đồng cấp thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S G T T với ông Trần Văn Q cụ thể: Tại Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ký ngày 05/7/2017; cùng các loại chứng từ khác có liên quan.

Hợp đồng tín dụng trên là quan hệ giao dịch ký kết được thực hiện bằng hình thức hợp đồng tín dụng, nhằm mục đích tạo điều kiện có lợi cho các bên,

một bên thì thu lợi nhuận từ tiền lãi, một bên có vốn để phục vụ nhu cầu sinh hoạt đời sống gia đình và hợp đồng ký kết được pháp luật công nhận không trái với quy chế của Tổ chức tín dụng, việc ký kết là sự tự nguyện của các bên không bên nào ràng buộc bên nào. Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S G T T và Ông Trần Văn Q có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 401, Điều 402, Điều 405 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S G T T yêu cầu Ông Trần Văn Q buộc phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và các loại phí phát sinh tạm tính đến ngày 10/7/2024 là 25.233.478 đồng, trong đó gốc là 13.355.727 đồng, lãi và phí phát sinh là 11.877.751 đồng và phải tiếp tục trả lãi được tính kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2024 hai bên đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số thẻ 356480-6732, ngày 05 tháng 7 năm 2017.

Sau khi thụ lý vụ án và mở phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải. Toà đã tiến hành giao nhận thông báo thụ lý vụ án và thông báo kết quả hoà giải cho bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn không có ý phản hồi đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP S G T T - Chi nhánh B T, đây được coi là đương sự đã từ bỏ ý kiến phản bác đối với nguyên đơn. Để đảm bảo cho việc thu hồi nợ nay Ngân hàng TMCP S G T T - Chi nhánh B T làm đơn khởi kiện ông Q phải có trách nhiệm hoàn trả nợ cho Ngân hàng tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng mà ông Q ký kết là có cơ sở.

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được Ngân hàng TMCP S G T T phê duyệt ngày 05/7/2017 thì giữa chủ thẻ chính là ông Q và bên phát hành thẻ là Ngân hàng TMCP S G T T có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ông Trần Văn Q đã sử dụng thẻ và có thanh toán cho Ngân hàng, trong quá trình sử dụng thẻ thì ông Q còn dư nợ thẻ nhưng sau đó ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã ký kết trong hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 10/7/2024, ông Trần Văn Q có thanh toán thêm cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng.

Theo Bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng TMCP S G T T và Sao kê chi tiết giao dịch của ông Q có số chứng minh nhân dân 260982153 do Ngân hàng cung cấp thì ông Q kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ từ tháng 7/2017 đến tháng 10/2023 và có thanh toán nhưng không đầy đủ cho Ngân hàng, Trong quá trình sử dụng thẻ, từ kích hoạt thẻ cho đến ngày 10/7/2024, Ông Trần Văn Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 48.300.000 đồng, số tiền lãi, phí phát sinh là 46.121.386 đồng. Ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 69.187.908 đồng (chi tiết theo sao kê đính kèm). Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S G T T: Ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau: Phí trễ hạn là: 1.852.249 đồng, phí vượt hạn mức là 650.000 đồng, phí thường niên và phí thông báo giao dịch là 1.615.000 đồng, lãi là 42.004.137 đồng. Sau khi

trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 13.355.727 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...” Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: “1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận”.

Căn cứ Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định “... số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch.” Căn cứ Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định “... Chủ thẻ có trách nhiệm đối với việc thanh toán tất cả giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh....” Căn cứ Khoản 1, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó việc Ngân hàng TMCP S G T T khởi kiện yêu cầu ông Q phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 13.355.727 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi và các loại phí (tạm tính đến ngày 10/7/2024) là: 11.877.751 đồng và buộc ông Q phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 11/7/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng qui định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Căn cứ định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: “... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”.

Căn cứ Điều 20 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: “Thanh toán sẽ áp dụng theo thứ tự sau: các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước ...”.

Căn cứ Điều 22 và Điều 25 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: “Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản ...” và phải chịu các loại phí.

Căn cứ Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: “Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) ...”.

Do đó Ngân hàng buộc bị đơn ông Q phải trả tiền lãi và các chi phí tạm tính đến ngày 10/7/2024 và các loại phí là: 11.877.751 đồng và buộc ông Q phải tiếp tục chịu tiền lãi kể từ ngày 11/7/2024 theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S G T T phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm

2010; Điều 7, Điều 8, Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất; khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên đủ cơ sở xác định ông Trần Văn Q có ký hợp đồng tín dụng như đã phân tích ở trên, số tiền ông Q còn nợ Ngân hàng số tiền 25.233.478 đồng. Buộc ông Q phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S G T T – Chi nhánh B T với tổng số tiền 25.233.478 đồng, trong nợ gốc giao dịch 13.355.727 đồng, lãi và phí phát sinh là 11.877.751 đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Văn Q phải chịu theo quy định của pháp luật là 1.261.600 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 hướng dẫn quy định về hợp đồng cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S G T T đối với Ông Trần Văn Q về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Trần Văn Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền là: 25.233.478 đồng (Hai mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, bốn trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó nợ gốc: 13.355.727 đồng (Mười ba triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn, bảy trăm hai mươi bảy đồng), phí và lãi: 11.877.751 đồng (Mười một triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn, bảy trăm năm mươi một đồng) tính đến ngày 10-7-2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11-7-2024), ông Trần Văn Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi được tính theo Giấy đề nghị cấp thẻ

kiêm hợp đồng được Ngân hàng TMCP S G T T phê duyệt 05 tháng 7 năm 2017 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Q có nghĩa vụ nộp là 1.261.600 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi một ngàn đồng sáu trăm đồng). Ngân hàng TMCP S G T T không phải chịu án phí.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền 539.781 đồng (Năm trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm tám mươi một đồng) đã nộp tại biên lai thu số 00020260 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận T P.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện nguyên đơn báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10-7-2024.)

Bị đơn ông Trần Văn Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T P;
- TAND tỉnh B T;
- Chi cục THADS huyện T P;
- Lưu: Hồ sơ.

Nguyễn Thị Kiêm U

